

Số: 01 /2023/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL
ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và
Du lịch quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao**

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao

1. Bổ sung khoản 11 Điều 4 như sau:

“11. Kỳ thi, trù dập người tố cáo hành vi vi phạm doping.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hội đồng Miễn trừ do điều trị

1. Trưởng ban tổ chức giải thành lập Hội đồng Miễn trừ do điều trị để xem xét tính hợp lý trong điều trị bệnh đối với hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên đăng ký thi đấu tại giải. Trường hợp không thành lập Hội đồng Miễn trừ do điều trị, ban tổ chức giải gửi hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên tới Trung tâm Doping và Y học thể thao để xem xét.

2. Giám đốc Trung tâm Doping và Y học thể thao thành lập Hội đồng Miễn trừ do điều trị để xem xét tính hợp lý trong điều trị bệnh đối với các hồ sơ sau:

a) Hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên do ban tổ chức giải gửi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Hội đồng Miễn trừ do điều trị có 05 hoặc 07 thành viên, gồm các chuyên gia y tế, làm việc theo nguyên tắc dân chủ, biểu quyết theo đa số và phù hợp với quy định của Bộ luật phòng, chống doping thế giới.

4. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này quyết định thay đổi thành viên Hội đồng miễn trừ do điều trị trong trường hợp có lý do, căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư, khách quan trong khi làm nhiệm vụ. Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng miễn trừ do điều trị phải nêu rõ lý do, căn cứ của việc thay đổi.

5. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng Miễn trừ do điều trị, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên đăng ký thi đấu tại giải, ban tổ chức giải hoặc Trung tâm Doping và Y học thể thao thông báo bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận miễn trừ do điều trị cho vận động viên và nêu rõ lý do.

6. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng Miễn trừ do điều trị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, Trung tâm Doping và Y học thể thao thông báo bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận miễn trừ do điều trị cho vận động viên và nêu rõ lý do.

7. Văn bản chấp thuận miễn trừ do điều trị cho vận động viên của ban tổ chức giải chỉ có giá trị trong giải đấu. Văn bản chấp thuận miễn trừ do điều trị cho vận động viên của Trung tâm Doping và Y học thể thao có giá trị trong thời hạn cụ thể, phù hợp với hồ sơ y tế của vận động viên và theo Tiêu chuẩn quốc tế về miễn trừ do điều trị của Tổ chức phòng, chống doping thế giới.”

Điều 2. Thay thế cụm từ của Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao

Thay thế cụm từ “có từ 05 đến 07 thành viên” bằng cụm từ “có 05 hoặc 07 thành viên” tại khoản 3 Điều 12.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia;
- Ủy ban Olympic VN, Hiệp hội Paralympic VN;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT;
- Lưu: VT, TCTDTT (10), NTL (400).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng